

MARKET INSIGHTS REPORTS

05/10/2023

CLOSE BUT NO CIGAR (CÓ NỖ LỰC NHƯNG CHƯA ĐỦ ĐỂ THÀNH CÔNG)



NHỊP ĐẬP THỊ TRƯỜNG

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Dark Cloud Cover”. Khối lượng giao giảm và nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Giá giảm khối lượng giảm không phải là tín hiệu quá tiêu cực nhưng xét trong bối cảnh hiện tại nó cũng không hẳn là tích cực bởi thị trường đang thiếu niềm tin tăng giá và chúng ta thiếu cầu đẩy giá ở mức giá cao.

Các điểm cần lưu ý: (i) VN-Index vận động giống mẫu hình Double Top theo sách giáo khoa. Đây là tín hiệu kỹ thuật tiêu cực. (ii) MA(20) cắt xuống MA(50) – Trong 3 lần gần nhất tín hiệu này xuất hiện, chỉ số VN-Index đều điều chỉnh giảm điểm. Do vậy, xét một cách tổng thể chúng ta đang có tín hiệu tiêu cực. (iii) Việc VN-Index vẫn đứng trên MA(200) một mốc hỗ trợ mạnh nhưng kinh nghiệm chúng tôi chỉ ra rằng nếu là kháng cự thường chuẩn số nhưng lúc là hỗ trợ hay rơi. (iv) Dòng tiền bắt đầu tập trung đẩy giá những nhóm ngành được hưởng lợi từ sự phục hồi kinh doanh như bán lẻ, hóa chất, dệt may... (Các nhóm ngành liên quan tới xuất khẩu thường giao dịch tốt hơn)... cùng với họ VINCOM đã cân bằng - Đây cũng là tín hiệu tốt với thị trường nhưng những tín hiệu sáng này không bù đắp áp lực giảm giá tới từ ngành bất động sản và ngành chứng khoán vốn là hai ngành đang được định giá cao và vượt xa giá trị nội tại của cổ phiếu. (v) Cách giao dịch hiện tại giống mẫu hình BCD (Buy, Cry, Die) theo Jesse Stine cũng tạo hiệu ứng tiêu cực. (vi) Về lý thuyết sóng, chỉ số đang có sóng 4 đối kháng tăng giá trong 5 sóng giảm giá. Kháng cự tiềm năng là 1,140 – 1,160 điểm. (vii) Mốc hỗ trợ tiếp theo sẽ là vùng MA(200) tương ứng với 1,106 điểm và 1,080 điểm (Khoảng trống giá xác định xu hướng tăng giá trung hạn của VN-Index). Khả năng thị trường sẽ tiếp tục có phản ứng dò đáy thứ 2 quanh ngưỡng hỗ trợ này. Chúng tôi lưu ý đây là quá trình chứ không phải là một phiên giao dịch.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất giảm điểm là 55% và 52.17% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số sẽ giao dịch giảm điểm vào ngày mai với giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Kháng cự là 1,140 – 1,165 điểm. Hỗ trợ là 1,080 – 1,106 điểm.

Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày (EOD)

Các cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến trong ngày

Danh mục cổ phiếu đáng quan tâm vào ngày mai

Biểu đồ trong ngày:

- Dòng tiền nào mất giá mạnh nhất trong 10 năm qua so với đô la Mỹ;
- Tỷ lệ thu nhập/giá nhà cao nhất kể từ năm 1975;

TTCK Mỹ: Dự báo các chỉ số sẽ giao dịch giằng co quanh khu vực hỗ trợ trung hạn.

Chart Advisor / Focus on the Price

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	545
Số cổ phiếu không có giao dịch	46
Số cổ phiếu tăng giá	103 / 17.43%
Số cổ phiếu giảm giá	386 / 65.31%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	102 / 17.26%

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	229
Số cổ phiếu không có giao dịch	101
Số cổ phiếu tăng giá	65 / 19.70%
Số cổ phiếu giảm giá	108 / 32.73%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	157 / 47.58%

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	335
Số cổ phiếu không có giao dịch	523
Số cổ phiếu tăng giá	117 / 13.64%
Số cổ phiếu giảm giá	139 / 16.20%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	602 / 70.16%

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	15,284,594	40,317,227	-25,032,633
% KL toàn thị trường	2,51%	6,62%	
Giá trị	383,68 tỷ	1115,24 tỷ	-731,56 tỷ
% GT toàn thị trường	3,30%	9,58%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	461,447	1,132,559	-671,112
% KL toàn thị trường	0,64%	1,56%	
Giá trị	12,39 tỷ	29,98 tỷ	-17,59 tỷ
% GT toàn thị trường	1,17%	2,84%	

UPCOM

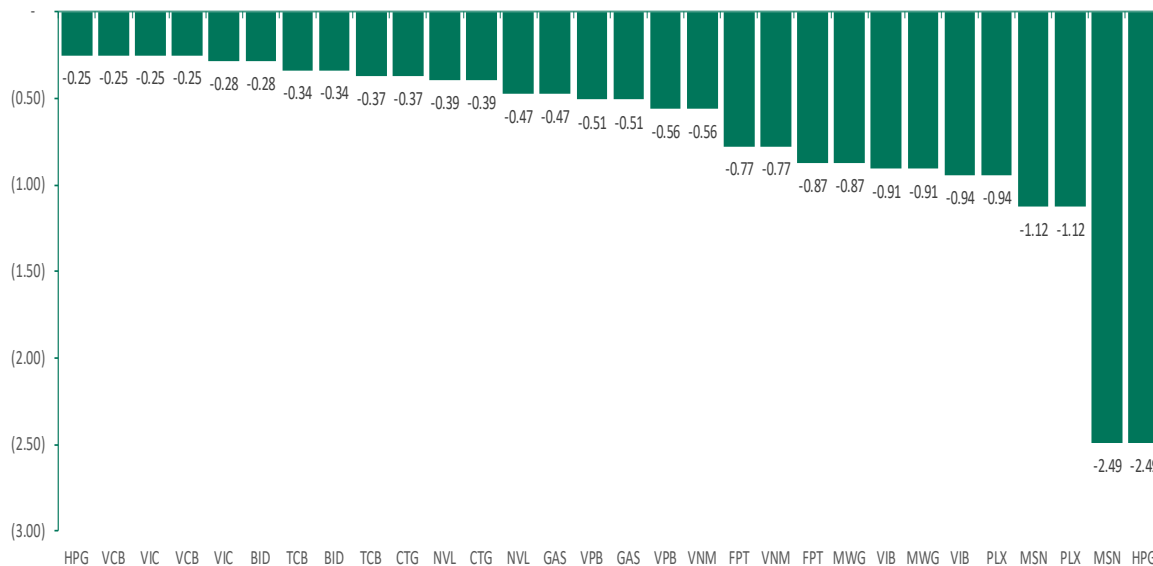
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	1,656,900	258,500	1,398,400
% KL toàn thị trường	3,04%	0,47%	
Giá trị	35,82 tỷ	8,93 tỷ	26,88 tỷ
% GT toàn thị trường	6,18%	1,54%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG (TT)

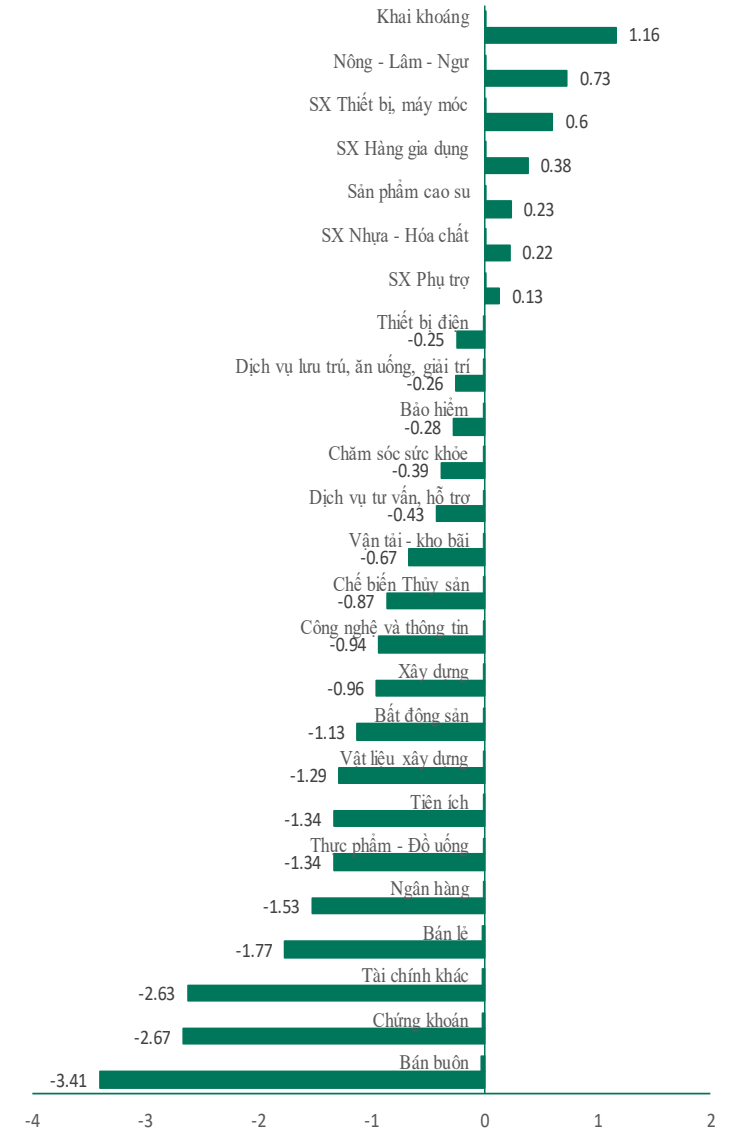
TÓP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	890,000	84,500	-1,800 (-2.09%)	14.52	3.11	5,821	472,278
2	BID	526,100	41,600	-900 (-2.12%)	13.31	1.84	3,125	210,435
3	VHM	2,701,500	44,550	-50 (-0.11%)	6.73	1.14	6,621	193,987
4	GAS	589,900	84,200	-1,600 (-1.86%)	11.01	2.87	7,649	193,385
5	VIC	5,358,200	45,600	-500 (-1.08%)	19.26	1.26	2,367	173,915
6	VNM	2,571,400	72,700	-1,700 (-2.28%)	20.02	4.14	3,632	151,940
7	HPG	10,424,100	24,900	-350 (-1.39%)	17.15	1.48	1,452	144,788
8	VPB	5,682,000	20,800	-200 (-0.95%)	7.65	1.30	2,718	140,263
9	CTG	4,884,500	28,100	-800 (-2.77%)	8.05	1.14	3,491	135,042
10	FPT	1,369,100	91,600	-900 (-0.97%)	20.68	4.07	4,429	116,329

TÓP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI CHỈ SỐ VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH TRONG NGÀY



TTCK VIỆT NAM: Close but no cigar (có nỗ lực nhưng chưa đủ để thành công)

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa giảm 14.78 (- 1.31%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Khai khoáng, nông lâm ngư, sản xuất thiết bị máy móc, sản xuất hàng gia dụng, sản phẩm cao su... là nhóm tăng giá nhiều nhất trên sàn trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như PVD, KSV, HAG, CTB, TCM, MSH, CSM, DRC... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) HAG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu không tốt;
- ✓ Mô hình hai đáy và RSI(14) thiết lập mốc cao – Tín hiệu tốt
- ✓ Cổ phiếu đang vận động tốt về mặt kỹ thuật sau thông tin bán khách sạn trả nợ nhưng chúng tôi vẫn nói rằng điều quan trọng trong tương lai là HAG kinh doanh cái gì và tài sản còn lại gì những sau đợt siết nợ và doanh nghiệp sẽ không thực hiện các cở đờ trong các báo cáo tài chính mới là xu hướng đáng để đầu tư dài hạn;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 52%;

(ii) MSH tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Opening Marubozu”;
- ✓ Giá chạm hỗ trợ dải băng dưới và tăng giá – Tín hiệu tốt;
- ✓ Failure Swing hình thành cũng là tín hiệu cảnh báo tăng giá;
- ✓ Việc xuất khẩu dệt may đang có những tín hiệu phục hồi là nhân tố chính hỗ trợ MSH giao dịch tốt trong giai đoạn vừa qua;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 52%;

(2) Bán buôn, chứng khoán, tài chính khác, bán lẻ, ngân hàng, thực phẩm đồ uống, tiện ích, vật liệu xây dựng, bất động sản, xây dựng, công nghệ thông tin... là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như PLX, DGW, SSI, VND, VCI, SHS, HCM, VIX, FTS, MBS, BSI, IPA, OGC, MWG, FRT, VCB, BID, CTG, MBB, TCB, VPB, VNM, MSN, SAB, GAS, POW, HPG, HSG, NVL, DIG, DXG, HUT, PC1, BCG, HBC, FPT, CTR... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) PLX giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Opening Marubozu”;
- ✓ Cách giao dịch hiện tại giống mẫu hình BCD (Buy, Cry, Die) theo Jesse Stine cũng tạo hiệu ứng tiêu cực;

- ✓ Dải băng mở ra hỗ trợ giá xuống – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Hỗ trợ của mô hình này là 31 – Fibonaci và đáy giai đoạn qua;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 55%;

(ii) VND giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Closing Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Nhà đầu tư đang thận trọng trong việc dò đáy;
- ✓ Dải băng dưới mở ra hỗ trợ giá xuống – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Cổ phiếu đang trong 5 sóng giảm giá với hỗ trợ từ 15 - 18;
- ✓ Hỗ trợ giá lúc này là vùng giá 17.5 – Tương ứng MA(200);
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 55%;

(iii) SSI giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Small Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Nhà đầu tư đang thận trọng trong việc dò đáy;
- ✓ Mô hình Failure Swing cảnh báo sự đảo chiều – Tín hiệu tốt;
- ✓ SSI là cổ phiếu giao dịch tốt nhất trong ngành chứng khoán giai đoạn vừa qua. Xét yếu tố lịch sử, đây không hẳn là tín hiệu tốt cho thị trường. Trong năm ngoái, SSI cũng từng giao dịch tốt và khiến VN-Index tiếp tục rơi. Chỉ số chỉ tạo đáy sau đợt rơi mạnh của SSI;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 61%;

(iv) NVL giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Closing Marubozu”;
- ✓ Mẫu hình giảm giá vẫn tiếp diễn - Cổ phiếu đang nằm dưới MA(200)
- ✓ Cổ phiếu chưa có mẫu hình đảo chiều tăng giá đáng tin cậy – Hạn chế giao dịch;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 52%;

(v) DIG giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Closing Marubozu”;
- ✓ Giá giảm và RSI(14) cũng giảm – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Hỗ trợ hiện tại là vùng giá 20 – MA(200);
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 59%;

(vi) DXG giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Dải băng dưới mở ra hỗ trợ giá xuống – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Hỗ trợ giờ là MA(200) tương ứng với vùng giá 16.5;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 54%;

Phân tích kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Dark Cloud Cover”. Khối lượng giao giảm và nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Giá giảm khối lượng giảm không phải là tín hiệu quá tiêu cực nhưng xét trong bối cảnh hiện tại nó cũng không hẳn là tích cực bởi thị trường đang thiếu niềm tin tăng giá và chúng ta thiếu cầu đẩy giá ở mức giá cao.

Các điểm cần lưu ý: (i) VN-Index vận động giống mẫu hình Double Top theo sách giáo khoa. Đây là tín hiệu kỹ thuật tiêu cực. (ii) MA(20) cắt xuống MA(50) – Trong 3 lần gần nhất tín hiệu này xuất hiện, chỉ số VN-Index đều điều chỉnh giảm điểm. Do vậy, xét một cách tổng thể chúng ta đang có tín hiệu tiêu cực. (iii) Việc VN-Index vẫn đứng trên MA(200) một mốc hỗ trợ mạnh nhưng kinh nghiệm chúng tôi chỉ ra rằng nếu là kháng cự thường chuẩn số nhưng lúc là hỗ trợ hay rơi. (iv) Dòng tiền bắt đầu tập trung đẩy giá những nhóm ngành được hưởng lợi từ sự phục hồi kinh doanh như bán lẻ, hóa chất, dệt may... (Các nhóm ngành liên quan tới xuất khẩu thường giao dịch tốt hơn)... cùng với họ VINCOM đã cân bằng - Đây cũng là tín hiệu tốt với thị trường nhưng những tín hiệu sáng này không bù đắp áp lực giảm giá tới từ ngành bất động sản và ngành chứng khoán vốn là hai ngành đang được định giá cao và vượt xa giá trị nội tại của cổ phiếu. (v) Cách giao dịch hiện tại giống mẫu hình BCD (Buy, Cry, Die) theo Jesse Stine cũng tạo hiệu ứng tiêu cực. (vi) Về lý thuyết sóng, chỉ số đang có sóng 4 đối kháng tăng giá trong 5 sóng giảm giá. Kháng cự tiềm năng là 1,140 – 1,160 điểm. (vii) Mốc hỗ trợ tiếp theo sẽ là vùng MA(200) tương ứng với 1,106 điểm và 1,080 điểm (Khoảng trống giá xác định xu hướng tăng giá trung hạn của VN-Index). Khả năng thị trường sẽ tiếp tục có phản ứng dò đáy thứ 2 quanh ngưỡng hỗ trợ này. Chúng tôi lưu ý đây là quá trình chứ không phải là một phiên giao dịch.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 01 mã cho tín hiệu mua, 01 mã cho tín hiệu bán, 28 mã cho tín hiệu đi ngang. BCM... cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất giảm điểm là 55% và 52.17% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số sẽ giao dịch giảm điểm vào ngày mai với giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Kháng cự là 1,140 – 1,165 điểm. Hỗ trợ là 1,080 – 1,106 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu VND



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỎ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	476.29	480.98	471.6	NO	486.97	507.03	517.71	537.77	456.23	445.55	425.49	414.81
HNXINDEX	229.91	231.53	228.3	NO	233.51	240.33	243.93	250.75	223.09	219.49	212.67	209.07
VN30	1139.3	1143.5	1135.1	NO	1150	1169.1	1179.8	1199	1120.2	1109.4	1090.3	1079.6
UPINDEX	87.26	87.55	86.97	NO	88.13	89.58	90.45	91.9	85.81	84.94	83.49	82.62
VNXALL	1816	1826.6	1805.5	NO	1840.3	1885.6	1909.9	1955.2	1770.7	1746.5	1701.1	1676.9
VNINDEX	1127.3	1131.9	1122.7	NO	1137.4	1156.6	1166.7	1185.9	1108.1	1098	1078.8	1068.7
VN30F1M	1139.2	1143.2	1135.3	NO	1150.9	1170.4	1182.1	1201.6	1119.7	1108	1088.5	1076.8
VN30F2M	1137.7	1141	1134.3	NO	1149.3	1167.7	1179.3	1197.7	1119.3	1107.7	1089.3	1077.7
VN30F1Q	1136.4	1140	1132.9	NO	1146.9	1164.4	1174.9	1192.4	1118.9	1108.4	1090.9	1080.4
VN30F2Q	1132.3	1136.4	1128.2	NO	1144.5	1164.9	1177.1	1197.5	1111.9	1099.7	1079.3	1067.1
BCM	68.03	67.8	68.27	NO	68.97	69.43	70.37	70.83	67.57	66.63	66.17	65.23
ACB	21.7	21.75	21.65	NO	21.8	22	22.1	22.3	21.5	21.4	21.2	21.1
BID	42.28	42.65	41.92	NO	43.02	44.48	45.22	46.68	40.82	40.08	38.62	37.88
BVH	42	42.07	41.92	NO	42.2	42.55	42.75	43.1	41.65	41.45	41.1	40.9
CTG	29.12	29.13	29.11	YES	29.48	29.87	30.23	30.62	28.73	28.37	27.98	27.62
GVR	19.38	19.58	19.19	NO	19.77	20.53	20.92	21.68	18.62	18.23	17.47	17.08
GAS	87.03	87.4	86.67	NO	88.07	89.83	90.87	92.63	85.27	84.23	82.47	81.43
FPT	92.4	92.5	92.3	NO	93.3	94.4	95.3	96.4	91.3	90.4	89.3	88.4
HDB	16.98	16.92	17.04	NO	17.22	17.33	17.57	17.68	16.87	16.63	16.52	16.28
HPG	25.2	25.4	25	NO	25.7	26.6	27.1	28	24.3	23.8	22.9	22.4
MBB	18.18	18.25	18.12	NO	18.37	18.68	18.87	19.18	17.87	17.68	17.37	17.18
MSN	75.13	75.7	74.57	NO	76.27	78.53	79.67	81.93	72.87	71.73	69.47	68.33
MWG	49.6	49.9	49.3	NO	50.9	52.8	54.1	56	47.7	46.4	44.5	43.2
PLX	36.4	36.6	36.2	NO	36.8	37.6	38	38.8	35.6	35.2	34.4	34
POW	11.38	11.48	11.29	NO	11.57	11.93	12.12	12.48	11.02	10.83	10.47	10.28
SAB	71.27	71.75	70.78	NO	72.23	74.17	75.13	77.07	69.33	68.37	66.43	65.47
SSB	24.85	24.83	24.88	NO	25.1	25.3	25.55	25.75	24.65	24.4	24.2	23.95
SHB	10.65	10.7	10.6	NO	10.9	11.25	11.5	11.85	10.3	10.05	9.7	9.45
SSI	30.65	30.88	30.42	NO	31.2	32.2	32.75	33.75	29.65	29.1	28.1	27.55
TCB	32.43	32.4	32.47	NO	32.97	33.43	33.97	34.43	31.97	31.43	30.97	30.43
STB	29.63	29.85	29.42	NO	30.22	31.23	31.82	32.83	28.62	28.03	27.02	26.43
TPB	16.93	17.05	16.82	NO	17.17	17.63	17.87	18.33	16.47	16.23	15.77	15.53
VCB	86.27	86.25	86.28	YES	86.73	87.17	87.63	88.07	85.83	85.37	84.93	84.47
VHM	44.45	44.65	44.25	NO	44.85	45.65	46.05	46.85	43.65	43.25	42.45	42.05
VIB	18.95	19.03	18.88	NO	19.2	19.6	19.85	20.25	18.55	18.3	17.9	17.65
VJC	97.4	97.15	97.65	NO	98.8	99.7	101.1	102	96.5	95.1	94.2	92.8
VIC	44.78	44.92	44.64	NO	45.72	46.93	47.87	49.08	43.57	42.63	41.42	40.48
VPB	21.1	21.15	21.05	NO	21.5	22	22.4	22.9	20.6	20.2	19.7	19.3
VNM	74.33	74.5	74.17	NO	74.77	75.53	75.97	76.73	73.57	73.13	72.37	71.93
VRE	26.48	26.58	26.39	NO	26.77	27.23	27.52	27.98	26.02	25.73	25.27	24.98

CÁC CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
HAG	17,614,900	8,517,970	207	4.92
RDP	2,762,900	1,237,470	223	-6.19
VGC	2,132,800	879,770	242	5.91
SJF	1,184,500	315,300	376	-6.8
TIP	1,117,500	195,460	571.73	6.9
HHP	978,600	271,140	361	2.86
DXP	672,900	324,780	207	9.63
NAF	319,200	147,910	215.81	3.54
ABC	304,300	4,850	6,274	0
HUB	287,700	44,000	654	6.9
YEG	235,700	71,410	330.07	6.72
FUEDCMID	212,400	46,250	459	-6.37
PSW	205,400	75,670	271	2.59
PBC	183,300	89,230	205	-0.93
PGV	152,700	62,470	244	-1.19
TIN	109,200	50,450	216.45	-3.85
SVD	90,900	31,530	288	-0.31
SAV	87,300	41,200	212	-0.3
NTP	87,000	23,000	378	0.27
RAL	75,900	21,530	353	0
VE8	70,300	6,080	1156.25	8.7
ICG	62,000	12,630	491	0
ACC	58,900	27,830	212	-2.53
TMB	53,300	8,770	608	5.91
MCH	47,400	13,050	363	0.53
HVX	39,200	9,620	407.48	6.83
SCL	33,400	10,390	321	-0.56
DWS	31,900	3,770	846	14.02
VID	27,700	10,510	264	-0.91
HTI	22,900	2,010	1,139	-2.69
PGD	22,700	3,670	619	4.53
NTC	20,500	9,790	209	0.22
MLS	19,300	1,330	1,451	0
ISH	17,400	3,810	457	2
PGS	16,200	2,600	623	1.57
VTK	15,300	2,710	565	3.06
HAT	11,000	2,150	512	1.99
THP	10,700	820	1,305	-1.09
SRB	10,300	3,780	272	0
LAF	8,700	2,520	345	1.86

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

- Lưu ý: HAG, RDP, VGC ... bùng nổ khối lượng giao dịch

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÁNG QUAN TÂM VÀO NGÀY MAI

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
20-Sep	ANV	Mua	≤ 40	10% -20%	Giá cá tra mẫu 30 con/kg xuất Trung Quốc đang tăng trở lại/Xuất khẩu cá tra phục hồi trong tháng 8/2023
20-Sep	IDI	Mua	≤ 15.2	10% -20%	Giá cá tra mẫu 30 con/kg xuất Trung Quốc đang tăng trở lại/Xuất khẩu cá tra phục hồi trong tháng 8/2024
20-Sep	VHM	Mua	≤ 51.5	10% -20%	Mô hình đảo chiều tăng giá/Lưu ý VHM rất khó giao dịch

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI**.
- Hỗ trợ ngắn hạn là vùng giá 1,080 – 1,106 điểm.
- Nhà đầu tư hãy đặt các lệnh Trailing Stop và dừng lỗ để quản trị danh mục lúc này. Việc dò đáy cần thận trọng dù xác suất tăng lại khi chạm hỗ trợ đang gia tăng.
- Đáy là một quá trình chứ không phải một phiên giảm giao dịch.
- Nhóm thủy sản, dệt may, hóa chất, bán lẻ... đang có mô hình đẹp nhưng chúng tôi không khuyến khích giao dịch hiện tại.

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Thị trường ngoại tệ: Phiên 04/10, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.085 VND/USD, tiếp tục tăng 20 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được niêm yết ở mức 23.400 VND/USD và tỷ giá bán giao ngay ở mức 25.239 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 24.425 VND/USD, tăng tiếp 36 đồng so với phiên 03/10. Tỷ giá trên thị trường tự do đi ngang ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 24.500 VND/USD và 24.550 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 04/10, lãi suất chào bình quân LNH VND tiếp tục tăng mạnh từ 0,30 – 0,45 đpt đối với tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên trước đó, cụ thể: ON 1,14%; 1W 1,38%; 2W 1,52% và 1M 1,74%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm nhẹ 0,01 - 0,02 đpt ở tất cả các kỳ hạn; giao dịch tại: ON 5,02%; 1W 5,13%; 2W 5,23%, 1M 5,33%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giảm nhẹ ở kỳ hạn 5Y trong khi tăng ở các kỳ hạn còn lại, chốt phiên ở mức: 3Y 1,73%; 5Y 1,75%; 7Y 2,53%; 10Y 2,86%; 15Y 3,03%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 1.000 tỷ đồng với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất giữ ở mức 4,0%. Không có khối lượng trúng thầu, không có khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố. NHNN chào thầu tín phiếu NHNN với kỳ hạn 28 ngày, đấu thầu lãi suất. Có 10.000 tỷ đồng tín phiếu trúng thầu với lãi suất tăng lên mức 1,30%. Như vậy, NHNN hút ròng 10.000 tỷ đồng từ thị trường, đưa số tín phiếu lưu hành trên thị trường lên mức gần 120.700 tỷ đồng.

Các thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).
- Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:
- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

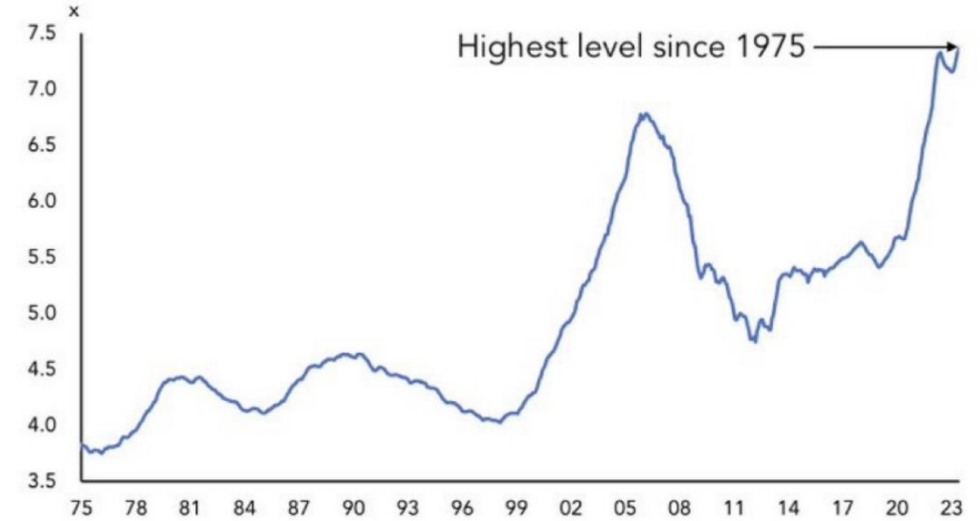
Đồng tiền nào mất giá mạnh nhất trong 10 năm qua so với đô la Mỹ

Global Currencies: 10-Year % Change vs. The US Dollar (G20 Currencies Highlighted)														
Currency	Ticker	10-Yr % Ch	Currency	Ticker	10-Yr % Ch	Currency	Ticker	10-Yr % Ch	Currency	Ticker	10-Yr % Ch	Currency	Ticker	10-Yr % Ch
Venezuelan Bolivar	VEF	-99.9996%	Mongolian Tughrik	MNT	-53.4%	Malaysian Ringgit	MYR	-31.3%	Macedonian Denar	MKD	-22.0%	South Korean Won	KRW	-20.8%
Sudanese Pound	SDG	-99.3%	Colombian Peso	COP	-53.2%	Mauritian Rupee	MUR	-30.5%	Guinean Franc	GNF	-21.1%	Moroccan Dirham	MAD	-19.9%
Syrian Pound	SYP	-99.1%	Malagasy Anary	MGA	-50.5%	Romanian Leu	RON	-30.5%	Fijian Dollar	FJD	-18.6%	Turkmenistani Manat	TMT	-18.4%
Argentine Peso	ARS	-98.3%	Tunisian Dinar	TND	-48.5%	Bangladeshi Taka	BDT	-29.4%	Czech Koruna	CZK	-17.9%	Honduran Lempira	HNL	-17.5%
Turkish Lira	TRY	-92.6%	Namibian Dollar	NAD	-47.6%	Polish Zloty	PLN	-29.1%	Samoan Tala	WST	-16.2%	Chinese Yuan Renminbi	CNY	-16.2%
Surinamese Dollar	SRD	-91.5%	Basotho Loti	LSL	-47.6%	Afghan Afghani	AFN	-29.0%	Solomon Islander Dollar	SBD	-16.1%	Sri Lankan Rupee	LKR	-16.1%
Angolan Kwanza	AOA	-88.2%	Swazi Lilangeni	SZL	-47.6%	Papua New Guinean Kina	PGK	-28.8%	Thai Baht	THB	-14.6%	Yemeni Rial	YER	-14.2%
North Korean Won	KPW	-85.9%	South African Rand	ZAR	-47.6%	Moldovan Leu	MDL	-28.6%	Vietnamese Dong	VND	-13.2%	Icelandic Krona	ISK	-12.1%
Uzbekistani Som	UZS	-82.4%	Burundian Franc	BIF	-45.9%	New Zealand Dollar	NZD	-28.3%	Iraqi Dinar	IQD	-11.1%	Singapore Dollar	SGD	-8.5%
Ghanaian Cedi	GHS	-81.3%	Rwandian Franc	RWF	-45.7%	Peruvian Sol	PEN	-26.9%	Brunei Dollar	BND	-8.5%	Kuwaiti Dinar	KWD	-8.4%
Sierra Leonean Leone	SLL	-81.0%	Gambian Dalasi	GMD	-45.7%	Indonesian Rupiah	IDR	-26.3%	Serbian Dinar	RSD	-24.0%	Israeli Shekel	ILS	-7.5%
Nigerian Naira	NGN	-79.5%	Kyrgyzstani Som	KGS	-45.1%	Mexican Peso	MXN	-25.7%	Philippine Peso	PHP	-23.9%	Costa Rican Colon	CRC	-5.7%
Ukrainian Hryvnia	UAH	-77.9%	Chilean Peso	CLP	-44.6%	Nepalese Rupee	NPR	-25.6%	Canadian Dollar	CAD	-23.8%	Trinidadian Dollar	TTD	-5.1%
Egyptian Pound	EGP	-77.7%	Norwegian Krone	NOK	-44.2%	Dominican Peso	DOP	-25.0%	Cape Verdean Escudo	CVE	-23.5%	Guyanese Dollar	GYD	-2.9%
Libyan Dinar	LYD	-74.5%	Uruguayan Peso	UYU	-43.9%	British Pound	GBP	-24.8%	Euro	EUR	-22.4%	Belzezan Dollar	BZD	-1.9%
Kazakhstani Tenge	KZT	-67.9%	Swedish Krona	SEK	-41.9%	Tongan Pa'anga	TOP	-24.7%	Comorian Franc	KMF	-22.4%	Swiss Franc	CHF	-1.6%
Haitian Gourde	HTG	-67.6%	Kenyan Shilling	KES	-41.4%	Bhutanese Ngultrum	BTN	-24.7%	Central African CFA Franc	XAF	-22.4%			
Russian Ruble	RUB	-66.7%	Iranian Rial	IRR	-41.0%	Indian Rupee	INR	-24.7%	Bosnian Convertible Mark	BAM	-22.4%			
Malawian Kwacha	MWK	-66.4%	Hungarian Forint	HUF	-41.0%	Serbian Dinar	RSD	-24.0%	CFF Franc	XPF	-22.4%			
Ethiopian Birr	ETB	-65.8%	Algerian Dinar	DZD	-40.2%	Philippine Peso	PHP	-23.9%	Bulgarian Lev	BGN	-22.4%			
Pakistani Rupee	PKR	-63.6%	Paraguayan Guarani	PYG	-39.0%	Canadian Dollar	CAD	-23.8%	Danish Krone	DKK	-22.3%			
Congolese Franc	CDF	-63.4%	Georgian Lari	GEL	-37.9%	Cape Verdean Escudo	CVE	-23.5%	Ni-Vanuatu Vatu	VUV	-22.1%			
Lao Kip	LAK	-61.1%	Botswana Pula	BWP	-37.2%	Euro	EUR	-22.4%						
Sri Lankan Rupee	LKR	-59.3%	Tanzanian Shilling	TZS	-35.9%	Comorian Franc	KMF	-22.4%						
Libenian Dollar	LRD	-57.9%	Japanese Yen	JPY	-34.3%	Central African CFA Franc	XAF	-22.4%						
Tajikistani Somoni	TJS	-56.6%	Jamaican Dollar	JMD	-33.6%	Bosnian Convertible Mark	BAM	-22.4%						
Brazilian Real	BRL	-55.4%	Nicaraguan Cordoba	NIO	-32.0%	CFF Franc	XPF	-22.4%						
Azerbaijani Manat	AZN	-53.9%	Australian Dollar	AUD	-31.7%	Bulgarian Lev	BGN	-22.4%						
Burmese Kyat	MMK	-53.6%	Tuvaluan Dollar	TVD	-31.7%	Danish Krone	DKK	-22.3%						
Mozambican Metical	MZN	-53.4%	Ugandan Shilling	UGX	-31.6%	Ni-Vanuatu Vatu	VUV	-22.1%						

Tỷ lệ thu nhập/giá nhà cao nhất kể từ năm 1975

Home Price to Median Household Income

Ratio of Home Prices-to-Median Household Income



Dates: 1975 Through June 2023. Source: S&P/Case-Shiller U.S. National Home Price Index, U.S. Census Bureau, Robert Shiller, Game of Trades.

TTCK MỸ: Sẽ giao dịch giằng co ở khu vực hỗ trợ trung hạn

Các nhìn toàn cảnh thị trường chứng khoán Mỹ

RANK	Sub-Markets	ETF	% DAILY change	% WEEKLY change	% MONTHLY change	% from 52w low	% from 52w h
1	Mega Cap Growth	MGX	1.49%	1.48%	-5.76%	37.6%	16.9%
2	Large Cap Growth	SPYG	0.80%	0.47%	-5.60%	33.7%	16.3%
3	Mid Cap Growth	MONG	0.39%	-1.05%	-6.62%	32.9%	16.7%
4	ARKK - Innovation	ARKK	1.42%	0.21%	-13.27%	30.9%	25.0%
5	Small Cap Growth	IWO	0.14%	-1.52%	-11.38%	30.0%	14.6%
6	ROSC - Innovator	FTTY	0.62%	-0.12%	-10.43%	3.2%	13.3%
7	Micro Cap Growth	IWC	0.37%	-1.98%	-12.38%	1.4%	20.8%

RANK	Sectors	ETF	% DAILY change	% WEEKLY change	% MONTHLY change	% from 52w low	% from 52w h
1	Communication Services	XLC	0.95%	1.12%	-2.99%	42.7%	5.0%
2	Technology	XLK	1.22%	1.75%	-6.88%	45.9%	9.3%
3	Consumer Discretionary	XLY	1.97%	0.82%	-5.85%	27.2%	19.8%
4	Basic Materials	XLB	1.18%	0.46%	-7.17%	37.0%	19.0%
5	Industrial	XLI	0.32%	-0.73%	-8.79%	20.8%	10.0%
6	Healthcare	XLV	0.40%	-1.42%	-4.41%	8.7%	19.8%
7	Energy	XLE	-0.31%	0.04%	-6.00%	33.6%	19.4%
8	Financial Services	XLF	0.74%	-0.09%	-6.38%	10.2%	12.3%
9	Consumer Staples	XLP	0.77%	-1.44%	-9.51%	8.3%	12.3%
10	Real Estate	XLI	1.07%	-2.14%	-11.48%	1.7%	21.4%
11	Utilities	XLU	-0.14%	-0.02%	-10.36%	3.1%	23.1%

RANK	Themes & Subsectors	ETF	% DAILY change	% WEEKLY change	% MONTHLY change	% from 52w low	% from 52w h
1	Nuclear	NLR	-0.60%	-4.47%	2.35%	86.5%	10.0%
2	Uranium	URA	-0.81%	-8.02%	1.46%	37.5%	10.0%
3	Software	IGV	1.62%	1.43%	-6.40%	44.4%	10.0%
4	Artificial Intelligence & Technology	AIQ	1.02%	1.33%	-7.38%	49.0%	10.0%
5	Internet	PHO	1.06%	0.84%	-7.07%	44.0%	10.0%
6	Semiconductors	PSI	1.29%	2.03%	-10.54%	45.9%	10.0%
7	Social Media	SOCL	-0.03%	0.25%	-8.54%	45.9%	10.0%
8	Cloud Computing	SKYY	1.01%	1.24%	-8.60%	37.4%	10.0%
9	Oil & Gas Equip. & Services	PKU	-4.30%	-8.30%	-6.28%	45.5%	10.0%
10	Cybersecurity	CIBR	0.25%	0.42%	-5.33%	31.9%	10.0%
11	Insurance	KIE	1.35%	-1.85%	-1.80%	16.0%	10.0%
12	Property & Casualty Insurance	KRNP	1.52%	-1.07%	0.45%	18.0%	10.0%
13	REIT	IRET	1.83%	1.60%	-9.97%	31.9%	10.0%
14	Gaming & esports	ESPO	0.63%	0.79%	-7.13%	54.3%	10.0%
15	Smartphones	NTG	0.56%	-0.76%	-6.03%	29.7%	10.0%
16	Auto Manufacturers	CAH	0.28%	0.36%	-6.03%	30.4%	10.0%
17	Homebuilders	XHB	1.45%	-1.19%	-12.72%	41.1%	10.0%
18	Capital Markets	KCE	1.08%	-1.35%	-6.80%	21.4%	10.0%
19	China	PGI	-0.53%	-0.99%	-13.12%	55.0%	10.0%
20	Steel Production	SLX	-0.61%	-1.70%	-5.85%	36.6%	10.0%



TESLA sẽ giúp nhóm công nghệ đúng vững ?



S&P 500 đang đối mặt với thử thách hỗ trợ trung hạn ?



Lãi suất 30 năm lên mức cao nhất kể từ năm 2007



Kết luận: Dự báo các chỉ số sẽ giao dịch giằng co quanh khu vực hỗ trợ trung hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST

Trung tâm nghiên cứu và phân tích

TRỤ SỞ CHÍNH:

Toà nhà Smart Invest, Số 222 Nguyễn Lương Bằng, P.Quang Trung , Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Tel: 0243 – 5739779

Fax: 0243 – 5739769